

1. Công thức

Khẳng định: S + will + V.

Phủ định: S + will + NOT + V.

Nghi vấn: Will + S + V?

Chú thích: S - chủ ngữ, V - động từ.

2. Cách dùng

Diễn đạt một quyết định tại thời điểm nói

Ví dụ:

- We will see what we can do to help you.

(Chúng tôi sẽ xem để có thể giúp gì cho anh.)

Đưa ra lời yêu cầu, đề nghị, lời mời

Ví dụ:

- Will you open the door?

(Anh đóng cửa giúp tôi được không?)

→ lời yêu cầu.

- Will you come to lunch?

(Trưa này cậu tới ăn cơm nhé?)

→ lời mời

Diễn đạt dự đoán không có căn cứ

Ví dụ:

- People will not go to Jupiter before 22nd century.

(Con người sẽ không thể tới sao Mộc trước thế kỉ 22.)

Shall or Will

Shall/will đều là các trợ động từ (auxiliary verb) dùng trong thì

Tương lai đơn với nghĩa là sẽ.

Ngày nay, Shall ít được sử dụng hơn, đặc biệt là trong tiếng Anh Mỹ. Người ta sử dụng Will trong mọi chủ ngữ. Tuy nhiên, nguyên tắc này còn được áp dụng trong các bài thi và bài viết mang tính học thuật cao hơn.

3. Dấu hiệu nhận biết

Do thì tương lai đơn được dùng để diễn tả một hành động, sự việc xảy ra trong tương lai, nên cách dùng này thường đi với các trạng từ chỉ thời gian như:

tomorrow, next day/week/year/century...

Trong câu có những động từ chỉ quan điểm như:

think/ believe/ suppose/: (nghĩ/tin/cho là)

perhaps/probably: (có lẽ)